

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 88/2024/DS-ST

Ngày: 12 - 7 - 2024

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"*.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đặng Thị Lệ**

2. Ông: **Trần Văn Lập**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Ngọc Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc Minh C** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2023/TLST – DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1954 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm: 1968 (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1973 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2023., trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:*

Từ năm 2018 đến năm 2019 do có quan hệ họ hàng nên bà N đã nhiều lần cho bà H vay tiền về để xoay sở vốn làm ăn. Cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Ngày 17/04/2018 al (nhằm ngày 31/5/2018 dl) vay số tiền 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng).

- Lần thứ 2: Ngày 18/01/2019 al (nhằm ngày 22/02/2019 dl) vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).
- Lần thứ 3: Ngày 06/07/2019 al (nhằm ngày 06/8/2019 dl) vay số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).
- Lần thứ 4: Ngày 16/07/2019 al (nhằm ngày 16/8/2019 dl) vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).
- Lần thứ 5: Ngày 08/08/2019 al (nhằm ngày 06/9/2019 dl) vay số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu đồng).
- Lần thứ 6: Ngày 22/10/2019 al (nhằm ngày 18/11/2019 dl) vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).
- Lần thứ 7: Ngày 22/10/2019 al (nhằm ngày 18/11/2019 dl) vay tiếp số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng).
- Lần thứ 8: Ngày 01/12/2019al (nhằm ngày 26/12/2019 dl) vay số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).
- Lần thứ 9: Ngày 22/12/2019 al (nhằm ngày 16/01/2020 dl) vay số tiền 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng).

Tổng cộng 09 lần vay với số tiền là 442.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Ngày 09 tháng 11 năm 2020 bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T có trả được cho bà Trần Thị N số tiền là 12.950.000đ (Mười hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), còn nợ lại số tiền là 429.050.000đ (bốn trăm hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), bà N đã nhiều lần yêu cầu bà H, ông T phải trả cho bà số tiền còn nợ nhưng đến nay vẫn không trả.

Trước đây bà N yêu cầu bà H và ông T phải trả cho bà số tiền còn nợ là 429.050.000đ (bốn trăm hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi 1%/tháng từ ngày 01/11/2020 đến ngày 01/11/2023 là 36 tháng. Thành tiền $429.050.000đ \times 1\% \times 36 \text{ tháng} = 154.458.000đ$ (một trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng). Tổng cộng tiền vốn và lãi là 583.508.000 đồng (Năm trăm tám mươi ba triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

Tại phiên tòa bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện bà N chỉ yêu cầu bà H và ông T phải trả cho bà số tiền còn nợ là 429.050.000đ (bốn trăm hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

* Bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà H, ông T không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên không có lời trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long có ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham

gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N buộc bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N số tiền vốn 429.050.000đ (bốn trăm hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi của bà Trần Thị N.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn bà Trần Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà N và bị đơn bà H, ông T. Bà H, ông T có nơi cư trú tại ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào các Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông T.

[3] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà N và bà H, ông T được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N có cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ viết tay thể hiện nội dung “Tôi Lê Thị H có mượn Ú số tiền là tổng cộng 442.000.000đ (bốn trăm bốn mươi hai triệu đồng)”, bà N có xác nhận tên “Út” trong biên nhận là tên thường gọi của bà tại địa phương. Mặc dù trong biên nhận không ghi ngày tháng năm, không có ký tên nhưng bà N trình bày nội dung biên nhận là do chính bà H viết, do giữa bà N và bà H mối quan hệ họ hàng bà H là cháu của bà N nên bà N mới cho bà H vay tiền, từ trước đến nay ngoài bà H ra thì bà N không còn cho ai khác vay tiền.

Nay bà N chỉ yêu cầu bà H, ông T trả số tiền vốn là 429.050.000đ (bốn trăm hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bà H, ông T là vợ chồng hiện nay có đăng ký hộ khẩu tại ấp R, xã Q vẫn còn sinh sống tại địa phương, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng cố tình tránh né không đến tòa án để tham gia tố tụng cũng không gửi ý kiến trình bày việc mình có nợ tiền của bà N như yêu cầu của bà N hay không nên bà H, ông T phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở để buộc bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả bà Trần Thị N số tiền vốn vay còn nợ là 429.050.000đ (bốn trăm hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 21.162.000đ (hai mươi một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1, Điều 27, Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3, Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N.

Buộc bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả bà Trần Thị N số tiền vốn vay còn nợ là 429.050.000đ (bốn trăm hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi của bà Trần Thị N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T phải nộp 21.162.000đ (hai mươi một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu.

Huỳnh Văn Vui

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn V

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu. **Huỳnh Văn Vui**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn V

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lanh